

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/ HNGĐ-ST

Ngày 07/ 6 / 2019

V/v: tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Thị Ánh Bình

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phương Thanh

2. Ông Nguyễn Văn Tiếp

-Thư ký phiên tòa: bà Trần Mỹ Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số : 83/ 2019/ TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019, về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 15/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Phạm Thị Bé Th, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: ấp An Phú B, xã Long An, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

Nơi ở hiện nay: ấp Hòa An, xã Hòa Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

Bị đơn: anh Phạm Lê Nh, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp An Phú B, xã Long An, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 23 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Bé Th trình bày:

Chị và anh Phạm Lê Nh do mai mối và anh chị tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long ngày 05/12/2008.

Sau khi cưới vợ chồng sống với gia đình anh Nh, sống hạnh phúc được khoảng một năm thì không biết lý do gì cha chồng xưa đuổi không cho chị sống trong nhà nên vợ chồng về nhà cha mẹ ruột chị sinh sống. Hàng ngày chị làm thợ may còn anh Nh làm thợ hồ, chung sống hạnh phúc được khoảng tám năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Nh thường xuyên uống rượu về nhà khuya, chơi cờ bạc, không lo làm ăn, bỏ bê vợ con. Mọi việc trong gia đình từ chăm sóc con đến kinh tế gia đình đều do chị lo liệu. Chị khuyên bảo nhưng anh Nh không nghe, không sửa đổi bản thân nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi. Đầu năm 2018 anh Nh trở về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Vợ chồng không gặp nhau bàn bạc hàn gắn tình cảm mà mỗi người sống mỗi nơi. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không đoàn tụ được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Con chung có một người tên Phạm Ngọc Bích T, sinh ngày 15/10/2010 chị đang nuôi dưỡng, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con theo nguyện vọng của con, không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết

Bị đơn anh Phạm Lê Nh vắng mặt không tham gia hòa giải

Tòa án tiến hành xác minh đối với ông Phạm Văn M là cha ruột của anh Nhớ thì ông M trình bày: anh Nh về sống chung nhà với ông từ năm 2018, nhưng hiện nay đang đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh khoảng một hoặc hai tháng mới về nhà. Ông có nhận thông báo thụ lý vụ án và các giấy mời của Tòa án thay cho anh Nh, ông có điện thoại và có giao tận tay cho anh Nh. Về mâu thuẫn giữa chị Th và anh Nh là do anh Nh làm thợ hồ nên thường xuyên uống rượu dẫn đến vợ chồng cự cãi, anh Nh bỏ về nhà ông sống từ năm 2018 đến nay không thấy vợ chồng bàn bạc để hàn gắn đoàn tụ, anh Nh cũng đồng ý ly hôn nhưng ông không biết vì sao lại không đến Tòa án để giải quyết với chị Thoa.

Tại phiên tòa: nguyên đơn không cung cấp chứng cứ gì mới, vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và nuôi con.

Bị đơn anh Phạm Lê Nh vắng mặt phiên tòa lần thứ hai.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại các Điều, 195, 196, 203 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn không có văn bản trình bày, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Lê Nhớ là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: cho chị Phạm Thị Bé Th ly hôn anh Phạm Lê Nh.

Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Bích T, sinh ngày 15/10/2010 cho chị Th nuôi dưỡng, chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí: chị Phạm Thị Bé Th phải chịu 300.000đ đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bị đơn anh Phạm Lê Nh đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[2] Chị Th và anh Nh tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân năm 2008 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/12/2008, hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Thoa, xét thấy:

Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc và sinh được một người con, đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Nh thường xuyên uống rượu, chơi cờ bạc, không quan tâm đến vợ con. Chị Th khuyên bảo nhưng anh Nh không nghe dẫn đến vợ chồng cự cãi, anh Nh bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ đầu năm 2018 đến nay không gặp nhau bàn bạc hàn gắn đoàn tụ mà dẫn đến mỗi người sống mỗi nơi, không quan tâm chăm sóc đến nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt.

Tòa án đã xác minh đối với ông Phạm Văn M là cha ruột của anh Nh, ông M cho biết anh Nh cũng đồng ý ly hôn nhưng không biết lý do vì sao không đến Tòa án để giải quyết với chị Th.

Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh Nh không tham gia giải quyết vụ án, không gặp chị Th để bàn bạc đoàn tụ mà dẫn đến mỗi người sống mỗi nơi, không quan tâm chăm sóc đến nhau, anh chị không còn sống chung hơn một năm nay. Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Anh chị đã ly thân quá lâu, tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị Thoa và anh Nhó không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thoa là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: có một người con Phạm Ngọc Bích T, sinh ngày 15/10/2010 chị Th đang nuôi dưỡng và yêu cầu được nuôi con, xét thấy: từ khi vợ chồng không còn sống chung đến nay, cháu T do chị Th nuôi dưỡng. Tòa án đã lấy ý kiến cháu T thì nguyện vọng của cháu khi cha mẹ ly hôn xin được sống với chị Th. Vì vậy giao cho chị Th được quyền trực tiếp nuôi cháu Bích T là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Th không yêu cầu anh Nhó cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Thoa phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Bé Th. Cho chị Th được ly hôn anh Phạm Lê Nh.

2.Về nuôi con chung: giao cháu Phạm Ngọc Bích T, sinh ngày 15/10/2010 cho chị Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con. Chị Th không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Anh Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

3.Về án phí: chị Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002154 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Chị Th đã nộp xong án phí.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4.Quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDT Vĩnh Long;
- VKSND cùng cấp;
- CC THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ánh Bình